

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: II - Năm học: 2022 - 2023

Môn học/Nhóm: GDQP – AN, Nhóm 18
CBGD: Nguyễn Thanh Hà

Số tín chỉ: 05

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	BP.1	BP.2	BP.3	BP.4	BP.5	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2122110482	Đặng Nữ Kim	Anh	20/07/2004	CCQ2211L	8.2	6.6	8.0	9.0	6.5	7.7	
2	2122110464	Võ Thái Hải	Anh	02/12/2004	CCQ2211K	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
3	2122170698	Lê Quang	Ân	24/07/2004	CCQ2211L	7.0	6.0	4.0	8.3	8.0	7.1	
4	2122110399	Lê Thị Linh	Chi	30/08/2004	CCQ2211K	7.0	7.0	8.5	8.3	9.0	8.2	
5	2122110470	Nguyễn Thị Kim	Chi	06/08/2004	CCQ2211L	7.8	6.8	7.5	5.7	8.0	7.1	
6	2122220003	Hồ Ngọc	Dũng	08/02/2004	CCQ2211K	7.6	7.6	4.0	8.3	7.0	7.1	
7	2122110456	Nguyễn Tạ Đình	Duy	11/11/2004	CCQ2211K	5.4	7.0	4.0	7.0	8.0	6.6	
8	2122170588	Nguyễn Trần	Duy	06/08/2004	CCQ2211K	6.4	5.6	4.0	7.3	8.5	6.8	
9	2122030123	Phạm Quốc	Đại	25/06/2004	CCQ2211L	6.4	6.0	4.0	8.3	5.0	6.1	
10	2122170344	Mai Thành	Đạt	21/02/2004	CCQ2211L	6.2	6.8	4.0	9.0	8.0	7.3	
11	2120180008	Nguyễn Hữu	Đạt	12/10/2002	CCQ2018A	7.2	6.8	5.0	5.7	8.5	6.8	
12	2122110397	Phạm Minh	Đạt	08/07/2003	CCQ2211K	4.0	3.0	4.0	8.0	8.5	6.3	
13	2120180009	Phạm Thành	Đạt	12/08/2002	CCQ2018A	6.8	6.6	5.0	7.7	8.5	7.3	
14	2122110465	Lưu Từ Cill Pam Giu	Đe	27/04/2004	CCQ2211L	7.0	7.4	7.0	10.0	8.5	8.3	
15	2122110512	Trần Văn	Đức	29/02/2004	CCQ2211L	6.2	6.4	3.0	8.7	4.0	5.9	
16	2122110480	Trần Thị Mỹ	Hà	06/05/2004	CCQ2211L	6.8	6.4	9.0	9.7	9.5	8.7	
17	2122110473	Hồ Ngọc	Hải	20/12/2004	CCQ2211L	6.6	5.6	7.0	9.0	8.5	7.7	
18	2120180012	Nguyễn Văn	Hậu	23/08/2001	CCQ2018A	6.4	5.8	5.0	8.3	8.5	7.3	
19	2120180014	Bùi Trí	Hiệp	19/10/2000	CCQ2018A	6.2	6.6	5.0	8.3	8.5	7.3	
20	2120180013	Nguyễn Văn	Hiếu	03/03/1997	CCQ2018A	6.0	6.2	5.0	8.7	8.5	7.4	
21	2122110459	Nguyễn Văn	Hiếu	21/04/2004	CCQ2211K	4.0	6.4	7.0	6.7	7.5	6.5	

22	2122110475	Võ Thanh	Hiếu	22/09/2004	CCQ2211L	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
23	2122170697	Trần Quốc	Hoàng	08/04/2004	CCQ2211L	7.0	5.8	4.0	8.3	8.0	7.1	
24	2122170407	Nguyễn Ngọc Trường	Huy	05/08/2004	CCQ2211L	6.0	6.6	7.0	9.7	8.5	8.0	
25	2122110458	Trần Quang	Huy	14/09/2004	CCQ2211K	5.6	8.0	9.0	9.0	10.0	8.7	
26	2122110514	Hoàng Văn	Huynh	21/07/2004	CCQ2211L	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
27	2122110513	Nguyễn Tuấn	Hung	04/04/2004	CCQ2211L	7.8	7.2	7.0	6.0	7.5	7.0	
28	2122110460	Trương Học	Hữu	17/08/2004	CCQ2211K	7.0	6.0	4.0	9.0	8.0	7.3	
29	2122110467	Dương Quốc	Khánh	02/09/2003	CCQ2211L	6.2	6.8	4.0	3.0	8.0	5.6	
30	2122110489	Nguyễn Anh	Khoa	03/01/2004	CCQ2211L	5.2	7.0	7.0	9.3	8.5	7.8	
31	2122110478	Lâm Tuấn	Kiệt	02/07/2004	CCQ2211L	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
32	2122110481	Nguyễn Văn	Lai	04/10/2004	CCQ2211L	7.0	7.0	4.0	8.7	7.5	7.2	
33	2122110409	Trần Văn	Lắm	16/09/2004	CCQ2211K	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
34	2122110509	Nguyễn Đình	Lâm	02/11/2003	CCQ2211K	6.6	8.6	7.0	9.7	8.5	8.4	
35	2122150041	Thái Văn	Lâm	23/08/2004	CCQ2211L	7.2	6.2	4.5	5.7	8.5	6.6	
36	2122110486	Ngô Phương	Linh	17/10/2004	CCQ2211L	7.4	6.4	8.0	8.3	8.5	7.9	
37	2122110398	Nguyễn Tấn	Lĩnh	20/10/2004	CCQ2211K	5.8	6.2	7.0	9.3	8.5	7.8	
38	2122110472	Nguyễn Hoàng	Long	13/09/2003	CCQ2211L	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
39	2122110479	Nguyễn Thái Duy	Luân	30/05/2004	CCQ2211L	6.2	7.2	4.0	8.0	8.0	7.1	
40	2122110403	Nguyễn Lê Trúc	Ly	22/02/2004	CCQ2212P	7.2	7.0	8.0	7.7	8.5	7.8	
41	2122110408	Lê Quốc	Mạnh	21/03/2004	CCQ2211K	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
42	2120180017	Hà Hoài	Nam	16/04/2002	CCQ2018A	6.8	6.6	5.0	8.7	8.5	7.5	
43	2122110507	Nguyễn Thị Kim	Ngân	17/11/2004	CCQ2211K	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
44	2122110484	Bùi Quang	Nghĩa	01/01/2004	CCQ2211L	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
45	2122110405	Ngô Kỳ	Nguyên	17/01/2004	CCQ2211K	6.8	7.6	4.0	9.3	8.5	7.7	
46	2122110413	Nguyễn Ngọc Phương	Nguyên	17/06/2004	CCQ2211K	7.4	6.8	8.0	9.3	8.5	8.3	
47	2122150050	Nguyễn Trần Khôi	Nguyên	12/01/2001	CCQ2211L	7.6	6.4	4.0	6.7	8.0	6.8	
48	2120180019	Tạ Trung	Nguyên	06/04/2002	CCQ2018A	7.4	6.2	5.0	9.0	8.5	7.7	
49	2122110396	Nguyễn Minh	Nhật	07/02/2004	CCQ2211K	8.0	8.6	4.0	4.7	8.0	6.6	
50	2122110414	Nguyễn Văn Long	Nhựt	05/07/2004	CCQ2211K	7.2	6.4	4.0	8.3	8.0	7.2	
51	2122260120	Phan Vĩnh	Phú	09/07/2004	CCQ2211L	6.2	6.6	4.0	8.0	8.0	7.0	
52	2122110395	Dương Văn	Phúc	14/06/2004	CCQ2211K	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
53	2122110394	Ngô Hoàng	Phúc	26/06/2004	CCQ2211K	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
54	2122110515	Nguyễn Thanh	Phương	04/04/2004	CCQ2211L	6.4	6.6	4.0	8.7	9.5	7.6	
55	2122110401	Hồ Việt Nguyễn	Quang	02/08/2004	CCQ2211K	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
56	2122110400	Trương Thiên	Quốc	14/10/2001	CCQ2211K	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
57	2122110474	Hoàng Quốc Thành	Tâm	25/01/2004	CCQ2211L	7.8	7.0	7.0	9.0	8.5	8.1	

58	2122110406	Trần Quốc	Thái	12/02/2002	CCQ2211K	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
59	2118110153	Nguyễn Xuân	Thành	20/12/2000	CCQ1811B	6.2	6.8	5.0	8.7	8.5	7.5	
60	2122110511	Võ Minh	Thành	22/01/2000	CCQ2211K	7.8	6.8	8.0	8.3	9.5	8.3	
61	2122110516	Lê Đình	Thắng	21/06/2004	CCQ2211L	7.4	6.2	4.0	9.7	8.0	7.6	
62	2122110455	Nguyễn Văn	Thiện	02/08/2004	CCQ2211K	7.4	5.6	4.0	8.3	7.0	6.8	
63	2122030128	Nguyễn Minh	Thuận	09/03/2004	CCQ2211L	5.4	5.6	4.0	6.0	8.0	6.1	
64	2122110462	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	26/11/2004	CCQ2211K	7.8	7.2	8.0	8.0	8.5	8.0	
65	2122110468	Thành Minh	Thứ	08/11/2004	CCQ2211L	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
66	2122110404	Huỳnh Văn	Toàn	22/06/2004	CCQ2211K	6.0	5.0	4.0	5.7	7.5	5.9	
67	2122110508	Phạm Minh	Trí	21/11/2004	CCQ2211K	6.4	6.4	4.0	9.3	9.5	7.8	
68	2122110476	Vũ Văn	Tùng	22/08/2004	CCQ2211L	7.0	6.4	4.0	8.7	8.0	7.3	
69	2122110510	Đặng Thị Bích	Vàng	20/10/2002	CCQ2211K	8.0	7.0	8.0	10.0	8.5	8.6	
70	2122110485	Nguyễn Đại	Vệ	28/10/2002	CCQ2211L	6.2	6.4	4.0	9.0	9.0	7.5	
71	2118170075	Trần Tuấn	Vi	15/06/1999	CCQ1817A	7.0	6.2	4.0	7.0	5.0	5.9	
72	2122110466	Bùi Hoàng	Vũ	09/07/2004	CCQ2211L	7.2	6.4	4.0	9.0	8.0	7.4	
73	2122110463	Lương Đức Thế	Vũ	25/04/2004	CCQ2211K	5.6	6.2	4.0	8.0	8.5	7.0	
74	2122110410	Trương Đức	Vũ	15/06/2004	CCQ2211K	6.2	5.0	4.0	6.7	7.5	6.2	
75	2122110457	Đinh Hồ Kim	Xuyên	29/08/2004	CCQ2211K	7.4	6.2	8.0	9.0	7.5	7.8	

Tp. HCM, ngày 12 tháng 4 năm 2023

Giảng viên



Nguyễn Thanh Hà

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN
Học kỳ: II - Năm học: 2022 - 2023

Môn học/Nhóm: GDQP – AN, Nhóm 18
CBGD: Nguyễn Thanh Hà

Số tín chỉ: 05

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/Học phần
1	2122110482	Đặng Nữ Kim	Anh	20/07/2004	CCQ2211L	7.7	6.6	7.0
2	2122110464	Võ Thái Hải	Anh	02/12/2004	CCQ2211K	0.0	0.0	0.0
3	2122170698	Lê Quang	Ân	24/07/2004	CCQ2211L	7.1	7.2	7.2
4	2122110399	Lê Thị Linh	Chi	30/08/2004	CCQ2211K	8.2	7.0	7.5
5	2122110470	Nguyễn Thị Kim	Chi	06/08/2004	CCQ2211L	7.1	6.0	6.4
6	2122220003	Hồ Ngọc	Dũng	08/02/2004	CCQ2211K	7.1	6.0	6.4
7	2122110456	Nguyễn Tạ Đình	Duy	11/11/2004	CCQ2211K	6.6	7.0	6.9
8	2122170588	Nguyễn Trần	Duy	06/08/2004	CCQ2211K	6.8	5.6	6.1
9	2122030123	Phạm Quốc	Đại	25/06/2004	CCQ2211L	6.1	6.2	6.2
10	2122170344	Mai Thành	Đạt	21/02/2004	CCQ2211L	7.3	6.0	6.5
11	2120180008	Nguyễn Hữu	Đạt	12/10/2002	CCQ2018A	6.8	6.6	6.7
12	2122110397	Phạm Minh	Đạt	08/07/2003	CCQ2211K	6.3	6.4	6.4
13	2120180009	Phạm Thành	Đạt	12/08/2002	CCQ2018A	7.3	7.0	7.1
14	2122110465	Lưu Từ Cill Pam Giu	Đe	27/04/2004	CCQ2211L	8.3	6.6	7.3
15	2122110512	Trần Văn	Đức	29/02/2004	CCQ2211L	5.9	6.2	6.1
16	2122110480	Trần Thị Mỹ	Hà	06/05/2004	CCQ2211L	8.7	7.2	7.8
17	2122110473	Hồ Ngọc	Hải	20/12/2004	CCQ2211L	7.7	6.4	6.9
18	2120180012	Nguyễn Văn	Hậu	23/08/2001	CCQ2018A	7.3	7.8	7.6
19	2120180014	Bùi Trí	Hiệp	19/10/2000	CCQ2018A	7.3	6.4	6.8
20	2120180013	Nguyễn Văn	Hiếu	03/03/1997	CCQ2018A	7.4	7.2	7.3
21	2122110459	Nguyễn Văn	Hiếu	21/04/2004	CCQ2211K	6.5	5.6	6.0

22	2122110475	Võ Thanh	Hiếu	22/09/2004	CCQ2211L	0.0	0.0	0.0
23	2122170697	Trần Quốc	Hoàng	08/04/2004	CCQ2211L	7.1	6.2	6.5
24	2122170407	Nguyễn Ngọc Trường	Huy	05/08/2004	CCQ2211L	8.0	7.4	7.6
25	2122110458	Trần Quang	Huy	14/09/2004	CCQ2211K	8.7	6.8	7.5
26	2122110514	Hoàng Văn	Huynh	21/07/2004	CCQ2211L	0.0	0.0	0.0
27	2122110513	Nguyễn Tuấn	Hung	04/04/2004	CCQ2211L	7.0	6.2	6.5
28	2122110460	Trương Học	Hữu	17/08/2004	CCQ2211K	7.3	5.8	6.4
29	2122110467	Dương Quốc	Khánh	02/09/2003	CCQ2211L	5.6	7.6	6.8
30	2122110489	Nguyễn Anh	Khoa	03/01/2004	CCQ2211L	7.8	4.8	6.0
31	2122110478	Lâm Tuấn	Kiệt	02/07/2004	CCQ2211L	0.0	0.0	0.0
32	2122110481	Nguyễn Văn	Lai	04/10/2004	CCQ2211L	7.2	6.6	6.8
33	2122110409	Trần Văn	Lắm	16/09/2004	CCQ2211K	0.0	0.0	0.0
34	2122110509	Nguyễn Đình	Lâm	02/11/2003	CCQ2211K	8.4	7.4	7.8
35	2122150041	Thái Văn	Lâm	23/08/2004	CCQ2211L	6.6	6.6	6.6
36	2122110486	Ngô Phương	Linh	17/10/2004	CCQ2211L	7.9	7.2	7.5
37	2122110398	Nguyễn Tấn	Lĩnh	20/10/2004	CCQ2211K	7.8	6.0	6.7
38	2122110472	Nguyễn Hoàng	Long	13/09/2003	CCQ2211L	0.0	0.0	0.0
39	2122110479	Nguyễn Thái Duy	Luân	30/05/2004	CCQ2211L	7.1	6.6	6.8
40	2122110403	Nguyễn Lê Trúc	Ly	22/02/2004	CCQ2212P	7.8	6.6	7.1
41	2122110408	Lê Quốc	Mạnh	21/03/2004	CCQ2211K	0.0	0.0	0.0
42	2120180017	Hà Hoài	Nam	16/04/2002	CCQ2018A	7.5	6.2	6.7
43	2122110507	Nguyễn Thị Kim	Ngân	17/11/2004	CCQ2211K	0.0	0.0	0.0
44	2122110484	Bùi Quang	Nghĩa	01/01/2004	CCQ2211L	0.0	0.0	0.0
45	2122110405	Ngô Kỳ	Nguyên	17/01/2004	CCQ2211K	7.7	6.2	6.8
46	2122110413	Nguyễn Ngọc Phương	Nguyên	17/06/2004	CCQ2211K	8.3	6.4	7.1
47	2122150050	Nguyễn Trần Khôi	Nguyên	12/01/2001	CCQ2211L	6.8	7.2	7.0
48	2120180019	Tạ Trung	Nguyên	06/04/2002	CCQ2018A	7.7	6.4	6.9
49	2122110396	Nguyễn Minh	Nhật	07/02/2004	CCQ2211K	6.6	7.2	6.9
50	2122110414	Nguyễn Văn Long	Nhật	05/07/2004	CCQ2211K	7.2	6.2	6.6
51	2122260120	Phan Vĩnh	Phú	09/07/2004	CCQ2211L	7.0	7.2	7.1
52	2122110395	Dương Văn	Phúc	14/06/2004	CCQ2211K	0.0	0.0	0.0
53	2122110394	Ngô Hoàng	Phúc	26/06/2004	CCQ2211K	0.0	0.0	0.0
54	2122110515	Nguyễn Thanh	Phương	04/04/2004	CCQ2211L	7.6	6.4	6.9
55	2122110401	Hồ Việt Nguyễn	Quang	02/08/2004	CCQ2211K	0.0	0.0	0.0
56	2122110400	Trương Thiên	Quốc	14/10/2001	CCQ2211K	0.0	0.0	0.0
57	2122110474	Hoàng Quốc Thành	Tâm	25/01/2004	CCQ2211L	8.1	6.4	7.1

58	2122110406	Trần Quốc	Thái	12/02/2002	CCQ2211K	0.0	0.0	0.0
59	2118110153	Nguyễn Xuân	Thành	20/12/2000	CCQ1811B	7.5	7.2	7.3
60	2122110511	Võ Minh	Thành	22/01/2000	CCQ2211K	8.3	6.8	7.4
61	2122110516	Lê Đình	Thắng	21/06/2004	CCQ2211L	7.6	7.2	7.3
62	2122110455	Nguyễn Văn	Thiện	02/08/2004	CCQ2211K	6.8	6.6	6.7
63	2122030128	Nguyễn Minh	Thuận	09/03/2004	CCQ2211L	6.1	7.0	6.7
64	2122110462	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	26/11/2004	CCQ2211K	8.0	6.8	7.3
65	2122110468	Thành Minh	Thứ	08/11/2004	CCQ2211L	0.0	0.0	0.0
66	2122110404	Huỳnh Văn	Toàn	22/06/2004	CCQ2211K	5.9	6.6	6.3
67	2122110508	Phạm Minh	Trí	21/11/2004	CCQ2211K	7.8	7.4	7.5
68	2122110476	Vũ Văn	Tùng	22/08/2004	CCQ2211L	7.3	5.8	6.4
69	2122110510	Đặng Thị Bích	Vàng	20/10/2002	CCQ2211K	8.6	6.2	7.1
70	2122110485	Nguyễn Đại	Vệ	28/10/2002	CCQ2211L	7.5	6.2	6.7
71	2118170075	Trần Tuấn	Vĩ	15/06/1999	CCQ1817A	5.9	8.2	7.3
72	2122110466	Bùi Hoàng	Vũ	09/07/2004	CCQ2211L	7.4	6.6	6.9
73	2122110463	Lương Đức Thế	Vũ	25/04/2004	CCQ2211K	7.0	6.4	6.6
74	2122110410	Trương Đức	Vũ	15/06/2004	CCQ2211K	6.2	5.8	6.0
75	2122110457	Đinh Hồ Kim	Xuyên	29/08/2004	CCQ2211K	7.8	6.6	7.1

Tp. HCM, ngày 12 tháng 4 năm 2023

Giảng viên



Nguyễn Thanh Hà